

CÔNG TY CỔ PHẦN NỘI THẤT VIỆT NAM 4.0
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NỘI THẤT VIỆT NAM 4.0

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: 4.0 VIET NAM FURNITURE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0107957017

3. Ngày thành lập: 10/08/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Quyết Tiên, Xã Vân Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt Bán buôn thủy sản Bán buôn rau, quả Bán buôn cà phê Bán buôn chè Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột	4632
2.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn Bán buôn đồ uống không có cồn	4633
3.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác Bán buôn dầu thô Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan	4661
4.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662

5.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim	4663
6.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh Bán buôn cao su Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669
7.	Bán buôn tổng hợp	4690
8.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
9.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
10.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
11.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
12.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
13.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
14.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
15.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
16.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
17.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
18.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
19.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
20.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
21.	Sửa chữa đồ dùng cá nhân và gia đình khác	9529
22.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610

23.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ Chi tiết: Cưa, xẻ và bào gỗ Bảo quản gỗ	1610
24.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
25.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
26.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
27.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít Chi tiết: Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự, ma tít Sản xuất mực in	2022
28.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh Chi tiết: Sản xuất mỹ phẩm Sản xuất xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
29.	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: Sản xuất bao bì từ plastic Sản xuất sản phẩm khác từ plastic	2220
30.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
31.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
32.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao Chi tiết: Sản xuất xi măng Sản xuất vôi Sản xuất thạch cao	2394
33.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
34.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420
35.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
36.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế Chi tiết: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác	3100(Chính)
37.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
38.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
39.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
40.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
41.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
42.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
43.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
44.	Xây dựng công trình công ích	4220

45.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
46.	Phá dỡ	4311
47.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
48.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hoà không khí	4322
49.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
50.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
51.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
52.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ Sản xuất sản phẩm từ lâm sản (trừ gỗ), cói và vật liệu tết bện	1629
53.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
54.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa Chi tiết: Sản xuất bao bì bằng giấy, bìa Sản xuất giấy nhãn và bìa nhãn	1702
55.	In ấn	1811
56.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
57.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
58.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn dược phẩm, dụng cụ y tế Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
59.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
60.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
61.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

62.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659
63.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
64.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
65.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
66.	Bốc xếp hàng hóa	5224
67.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Gửi hàng; Giao nhận hàng hóa; Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay - Dịch vụ logistics: Chi tiết : là hoạt động nhận hàng, vận chuyển, lưu kho, lưu bãi, làm thủ tục hải quan, các thủ tục giấy tờ khác, tư vấn khách hàng, đóng gói bao bì, ghi ký mã hiệu, giao hàng hoặc các dịch vụ khác có liên quan đến hàng hoá theo thoả thuận với khách hàng để hưởng thù lao	5229
68.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
69.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
70.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác	5610
71.	Cho thuê xe có động cơ	7710
72.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
73.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
74.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
75.	Thu gom rác thải độc hại	3812
76.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
77.	Tái chế phế liệu	3830
78.	Xây dựng nhà các loại	4100
79.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
80.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
81.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390

82.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
83.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác Bán buôn hoa và cây Bán buôn động vật sống Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản	4620

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TẠ VĂN THÉN	Thôn Khả Lã, Xã Tân Lập, Huyện Lục Ngạn, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	80.000	800.000.000	40,000	121550014	
			Tổng số	80.000	800.000.000	40,000		
2	VŨ MINH CƯỜNG	Thôn Hà Phú, Xã Tam Dị, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	80.000	800.000.000	40,000	B5113914	
			Tổng số	80.000	800.000.000	40,000		
3	NGUYỄN NGỌC GIANG	TT Ban Kiến thiết LH thịt, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	40.000	400.000.000	20,000	013022331	
			Tổng số	40.000	400.000.000	20,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TẠ VĂN THÉN

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 10/06/1983

Dân tộc: Hoa

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 121550014

Ngày cấp: 02/11/2010

Nơi cấp: Công an Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Khả Lã, Xã Tân Lập, Huyện Lục Ngạn, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Khả Lã, Xã Tân Lập, Huyện Lục Ngạn, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội